TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SƠN LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2024.
V/v: Kiện không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bồ Thị Thái;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Lường Khánh Ly, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bằng Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 138/2024/TLST–HNGĐ về việc K không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cà Văn H, sinh năm 1983. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Cà Thị C, sinh năm 1986. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều trú tại: Bản P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng tôi kết hôn khoảng năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quá trình chung sống không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được hai

bên nội ngoại nhiều lần khuyên giải động viên nhưng chúng tôi không thể hòa hợp được. Đến nay tình cảm vợ chồng đã hết. Tôi xin được ly hôn với chị Cà Thị C.

Về con chung: có 02 con, cháu Cà Thị Phương N, sinh ngày 14/3/2003 và cháu Cà Hoàng T, sinh ngày 12/5/2006.

Cả hai cháu đều đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2024 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn trình bày:

Về phần kết hôn, tôi nhất trí như chị H1 trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2020 thì anh H bỏ nhà đi hẳn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng không tìm được tính nói chung tuy nhiên tôi vẫn còn tình cảm với anh H, nhưng nếu anh Hoa cương q xin ly hôn tôi cũng nhất trí.

Về con chung: có 02 con, cháu Cà Thị Phương N, sinh ngày 14/3/2003 và cháu Cà Hoàng T, sinh ngày 12/5/2006.

Cả hai cháu đều đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không đề nghị toà án giải quyết.

Tại phiên toà ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử: Từ khi Toà án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng dân sự theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tham gia đúng thành phần như quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024. Hội đồng xét xử, xét xử đúng trình tự, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Cà Văn H và chị Cà Thị C là vợ chồng.

- Về con chung: Các con đều đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không đề nghị toà án giải quyết.

- Về án phí: Anh Cà Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" do nguyên đơn anh Cà Văn H khởi kiện đối với bị đơn chị Cà Thị C có nơi cư trú tại Bản P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Nguyên đơn khởi kiện vụ án ly hôn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị giải quyết cho ly hôn với chị Cà Thị C. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định là quan hệ tranh chấp về Xin ly hôn. Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là anh H và chị C có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp là "Kiện không công nhận là vợ chồng".

[1.3]. Về tư cách những người tham gia tố tụng và sự có mặt tại phiên toà: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Cà Văn H và chị Cà Thị C có tìm hiểu và quen biết nhau từ khoảng tháng 6 năm 2002, đến khoảng cuối năm 2002 thì chung sống với nhau như vợ chồng tại bản Phường, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn

La. Sau đó có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La nhưng không xuất trình được giấy đăng ký kết hôn của anh chị. Tiến hành xác minh với ông Lù Văn T1, là cán bộ làm công tác hộ tịch giai đoạn 2010 đến nay thì cho biết sau khi rà soát sổ hộ tịch từ năm 2002 đến nay không tìm thấy lưu trữ về việc đăng ký kết hôn của anh Cà Văn H và chị Cà Thị C. Các cán bộ thực hiện công tác hộ tịch giai đoạn 2002 đến 2010 đều đã nghỉ hưu, sinh sống và làm việc tại đâu chính quyền địa phương không nắm được. Bản thân anh H và chị C cũng khẳng định khi đi đăng ký kết hôn không có ai đi cùng và chứng kiến sự việc. Do đó, không có đủ căn cứ để khẳng định anh H và chị C đã đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, lơi khai của các đương sự, biên bản xác minh với ông Cà Văn K1 (trưởng bản Phường, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La) xác định anh H và chị C chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng cuối năm 2002 đến nay. Xét tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị C không còn, đời sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, không có khả năng khắc phục được mâu thuẫn, trên cơ sở đề nghị ly hôn của anh H và sự nhất trí ly hôn của chị C, căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và bộ tư pháp, Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh Cà Văn H và chị Cà Thị C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Cà Văn H và chị Cà Thị C chung sống với nhau có 02 con chung, cháu Cà Thị Phương N, sinh ngày 14/3/2003 và cháu Cà Hoàng T, sinh ngày 12/5/2006.

Đến nay cả hai con đều đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh Cà Văn H và chị Cà Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ chung : Không đề nghị giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Cà Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và bộ tư pháp;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Cà Văn H và chị Cà Thị C là vợ chồng.

2. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Cà Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số 0002091 ngày 29 tháng 7 năm 2024.

Nguyên đơn anh Cà Văn H, bị đơn chị Cà Thị C được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND thành phố Sơn La;
- Chi cục thi hành án DS thành phố Sơn La;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn thư.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thanh Nga

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND thành phố Sơn La;
- Chi cục thi hành án DS thành phố Sơn La;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn thư.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thanh Nga